

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Yến;
- Ông Đinh Xuân Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký viên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q, sinh năm 2002; nơi cư trú: khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thông Q1, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu phố C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – chị Lê Thị Q trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Thông Q1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống với cha mẹ ruột của chị Q tại khu phố T, thị trấn L, huyện T. Sau đó chuyển vào rẫy của cha mẹ anh Q1 sinh sống. Trong quá trình chung sống, chị Q, anh Q1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hoà với nhau. Do anh Q1 thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây gổ với chị Q. Ngoài ra anh Q1 còn ghen tuông nên nhiều lúc còn có hành vi đánh đập chị Q. Do không thể tiếp tục chung sống với anh Q1 nên chị Q đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, còn anh Q1 sinh sống ở đâu thì chị Q không rõ. Trong thời gian ly thân, chị Q không còn quan tâm, hỏi han đến anh Q1. Anh Q1 tuy có đến thăm con nhưng có nhiều lúc gây gổ với chị Q. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q xác định không còn tình cảm với anh Q1 nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Thông Q1.

- Về con chung: Chị Q và anh Q1 có hai người con chung tên là Lê Quốc T, sinh ngày 28/6/2020 và Lê Minh K, sinh ngày 25/9/2023. Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung và yêu cầu anh Q1 phải cấp dưỡng nuôi các con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn – anh Thông Q1: Quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh Thông Q1 còn hộ khẩu thường trú tại địa phương. Mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Q và đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Q1 vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Thông Q1.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Chị Lê Thị Q cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: 01 bản sao chứng thực căn cước công dân mang tên Lê Thị Q; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh con.

- Anh Thông Q1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai đương sự; xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của chị Q, anh Q1 tại địa phương.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 tiến hành xét xử là phù hợp.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Thông Q1.

Về con chung: Giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 28/6/2020 và Lê Minh K, sinh ngày 25/9/2023 cho chị Lê Thị Q nuôi dưỡng đến khi thành niên; anh Thông Q1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Q với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/ 02 người con.

Về án phí: Chị Lê Thị Q phải nộp 300.000 án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xem xét xét xử vắng mặt nguyên đơn Lê Thị Q và bị đơn Thông Quốc. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn chị Lê Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Q:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Q và anh Thông Q1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L vào năm 2020 theo giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 07/9/2020. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng không còn hạnh phúc.

Tại các biên bản xác minh ngày 18/12/2024 và ngày 08/01/2025 thể hiện: Sau khi kết hôn chị Q và anh Q1 chung sống với nhau tại khu phố T, thị trấn L, huyện T. Quá trình chung sống, chị Q và anh Q1 thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh Q1 có tính ham chơi, hay tụ tập bạn bè, ít khi phụ giúp vợ chăm sóc nuôi con, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện tại chị Q và anh Q1 không còn chung sống với nhau.

Xét thấy: Quá trình chung sống giữa chị Q và anh Q1 thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí đánh đập nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, hoà thuận, hạnh phúc; chị Q và anh Q1 đã sống ly thân, thời gian sống ly thân các bên không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và thực hiện nghĩa vụ khác trong thời kỳ hôn nhân. Chị Q xác định không còn tình cảm và cương quyết được ly hôn với anh Q1. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Q và anh Q1 đã trở nên trầm trọng, kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh Q1 là phù hợp.

[3.2] *Về con chung:* Chị Q và anh Q1 có 02 người con chung tên là Lê Quốc T, sinh ngày 28/6/2020 thể hiện tại giấy khai sinh số 702 ngày 07/9/2020 và Lê Minh K, sinh ngày 25/9/2023 thể hiện tại giấy khai sinh số 268 ngày 01/11/2023.

Xét thấy: Tại các biên bản lấy lời khai đương sự và biên bản xác minh tại địa phương đều thể hiện hai người con tên Lê Quốc T và Lê Minh K đều đang sinh sống cùng với chị Q. Quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến của anh Q1 về con chung. Tuy nhiên, các người con Lê Quốc T và Lê Minh K đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ thời điểm chị Q, anh Q1 sống ly thân cho đến nay; các con đang chung sống cùng với chị Q và do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo ổn định môi trường sinh sống cho các con, cần giao cho chị Q được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung là Lê Quốc T và Lê Minh K cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* chị Q yêu cầu anh Q1 phải cấp dưỡng nuôi các con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con thành niên.

Xét thấy: Để đảm bảo cho con chung phát triển tốt về mọi mặt, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hằng ngày, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Q là chính đáng; mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/02 người con mà chị Q

yêu cầu là tự nguyện. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị Q là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị Q và anh Thông Q1 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Q:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Thông Q1.
- *Về con chung*:

Giao cho chị Lê Thị Q có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 người con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 28/6/2020 và Lê Minh K, sinh ngày 25/9/2023 cho đến khi thành niên.

Anh Thông Q1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Q với số tiền 2.000.000đồng/tháng/02 người con cho đến khi các con thành niên.

Anh Thông Q1 được quyền thăm nom, chăm sóc các con; không ai được cản trở.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0006328, ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Thông Q1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND thị trấn L;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Thị Mận